Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BÀI 10: LẮNG NGHE TRÁI TIM MÌNH**

(Thơ)

(12 tiết)

(Trong đó ôn tập và kiểm tra, trả bài kiểm tra cuối kì II - 5 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Nhận biết được ngữ cảnh, xác định nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

- Viết được bài văn biểu cảm về con người.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu gia đình, người thân. Hiểu được cảm xúc của bản thân và cảm xúc của người khác.

- Có thái độ yêu mến, trân trọng nền văn học Việt Nam, trong đó có thơ tự do. Luôn có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị lớn lao của văn học dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A4 hoặc bảng phụ.

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức Ngữ văn.

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. DẠY ĐỌC HIỂU**

**Tiết 125, 126 TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Văn bản 1: ĐỢI MẸ (Vũ Quần Phương)**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu**

**a**. **Mục tiêu**: Kích hoạt kiến thức nền, tạo tâm thế cho học sinh. Kết nối – tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

**b. Nội dung:**

- Quan sát clip hay các bức tranh, ảnh về tình cảm gia đình và nêu cảm nhận.

**c. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động của GV và HS Sản phẩm dự kiến**

**\* GV giao nhiệm vụ học tập:**

Quan sát các bức tranh, ảnh và cho biết: 3 bức tranh, ảnh này giống nhau ở điểm gì? Nêu cảm nhận của bản thân.

  

GV theo dõi, quan sát HS

\* Sản phẩm dự kiến: Cảm xúc của HS:

\* Thực hiện nhiệm vụ.

- *Những hình ảnh trên gợi cho em liên tưởng đến điều gì? Vì sao em lại liên tưởng đến điều ấy?*

- *Chia sẻ với các bạn trong lớp về một sự việc tương tự mà em đã trải qua hoặc chứng kiến. Suy nghĩ và cảm xúc của em khi trải qua hoặc chứng kiến sự việc ấy là gì?*

*-Vì sao chúng ta cần lắng nghe tiếng nói của trái tim mình?*

\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân

\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

**\* GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học.**

*“Mẹ thương con con có hay chăng*

*Thương từ thai nghén ở trong lòng”*

Đúng như lời bài hát, người con từ lúc còn trong bụng mẹ đã cảm nhận được biết bao tình cảm của người mẹ và cả sự quan tâm chăm sóc của người cha. Và rồi khi ta chào đời, ta lại được nuôi lớn bằng dòng sữa ngọt ngào của người mẹ và bao vất vả khó nhọc của người cha. Thời gian cứ thế trôi đi, đồng nghĩa với việc con ngày càng lớn khôn và cha mẹ ngày càng vất vả hơn để lo chu toàn cho ta từ miếng cơm manh áo đến học hành, dưỡng dục ta nên người. Chính vì thế đó là tình cảm vô bờ của họ mà ta cảm nhận được từ trái tim. Và có lúc ta cũng đã ẩn chứa bên trong trái tim ta mà ta đã từng thể hiện ở sự chờ đợi họ khi vào một ngày nào đó mà ta chưa nghe, chưa thấy mẹ dường như mình thiếu vắng một thứ gì khó tả đúng không các con? Và đó cũng là nội dung bài học mà cô trò mình tìm hiểu trong tiết học này, các em à!

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**:

- HS nắm được những nét cơ bản về ngôn ngữ thơ.

- Hiểu được vẻ đẹp nội dung và hình thức bài thơ trong ngữ cảnh cụ thể.

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tìm hiểu ngôn ngữ thơ trong ngữ cảnh: vần điệu, nhịp điệu, thanh điệu…

- HS trả lời, hoạt động cá nhân.

- Thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Tổ chức thực hiện:**

**Nội dung 1: Tri thức Ngữ văn(Tìm hiểu chung về thơ, ngôn ngữ thơ)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên yêu cầu: Đọc phần chú thích **Tri thức đọc hiểu** trong SGK trang 96, 97 và cho biết: *Đặc điểm của thơ và ngôn ngữ trong thơ?*  - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến.  - Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình  - Học sinh khác bổ sung.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:  +Thơ là tiếng lòng, thể hiện tâm tư, tình cảm của con người, là phương thức để thi nhân bộc lộ thế giới nội tâm, còn người đọc thì cảm nhận và tìm thấy mình trong đó. Tình cảm chi phối cái nhìn nghệ thuật của nhà thơ, họ cảm nhận cuộc sống bằng cảm xúc của riêng mình. Cùng một đề tài nhưng mỗi nhà thơ lại có cảm nhận khác nhau, tạo nên những chất thơ khác nhau.  + Ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ mang tính nghệ thuật và có tác dụng gợi cảm đặc biệt. Biểu hiện qua cách lựa chọn và sử dụng từ ngữ, các biện pháp tu từ, qua nhạc điệu, thơ, vần, nhịp. | **A. Tri thức Ngữ văn**  **1. Thơ:**  - Được sáng tác để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước khoảnh khắc của đời sống.  - Đọc thơ trước hết là tìm hiểu, lắng nghe, chia sẻ những tình cảm, cảm xúc ấy qua ngôn ngữ thơ.  **2. Ngôn ngữ thơ:**  Có khả năng truyền cảm, lan tỏa tình cảm, cảm xúc nhờ tổ chức một cảm xúc đặc biệt, độc đáo thể hiện qua cách dùng từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp các biện pháp tu từ. |

**Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản: ĐỢI MẸ**

**a. Mục tiêu**: HS nắm được những nét cơ bản về ngôn ngữ thơ. Hiểu được vẻ đẹp nội dung và hình thức bài thơ trong ngữ cảnh cụ thể.

**b. Nội dung:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c.Tổ chức thực hiện:**

**\* Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV đặt câu hỏi:**

Em hiểu cụm từ “Đợi mẹ” như thế nào? Em đã học hoặc đã đọc những bài thơ nào ca ngợi tình mẫu tử?

**- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.**

**(Sử dụng bài hát “ Con yêu mẹ” bé Gia Khiêm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu chung**  **B1: GV Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Vũ Quần Phương?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời theo tìm hiểu.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu 1 vài HS nhận xét  **B4: GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  ***- Bước 1.* GV Chuyển giao nhiệm vụ học tập, *hướng dẫn cách đọc***: Đọc rõ ràng, rành mạch, biểu cảm...  ***- Bước 2. HS đọc.***  ***- Bước 3. Nhận xét cách đọc của HS.***  **\* Trải nghiệm cùng văn bản.**  **a. Tình cảm của em bé với mẹ.**  ***\* Bước 1:* GV Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *GV cho HS nghe lại bài hát trên*(GV mở cho HS quan sát trực tiếp).  + Em hình dung thấy điều gì khi đọc bài thơ này?  + Xác định cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ? Em có nhận xét gì về cách gieo vần và ngắt nhịp ấy?  - **GV có thể mở rộng thêm**: Tình cảm gia đình ở những người thân thể hiện ở nhiều khía cạnh.  + Tìm và nêu tác dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ thể hiện tâm trạng đợi mẹ của em bé?  + Bài thơ thể hiện tình cảm cảm xúc gì về hình ảnh “Mẹ đã bế em vào nhà nỗi đợi vẫn nằm mơ”  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định***  **b.Tâm trạng của tác giả**.  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  + Theo em tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ trên?  + Qua đó em đánh giá như thế nào về tình cảm gia đình?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định.***  ***\* Tổng kết***  **Làm việc cá nhân.**  ***\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:*** Trình bày giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định.*** | **B. Văn bản ĐỢI MẸ**  **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **-** Vũ Quần Phương tên khai sinh là Vũ Ngọc Châu, sinh năm 1940, tại Nam Định.  - Là một bác sĩ nhưng ông đã chuyển sang hoạt động văn học và gắn bó gần như cả đời với văn chương. Thơ ông bình dị, có độ lắng của cảm xúc, suy tư.  2. Tác phẩm  -Thể loại: thơ  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm  - Xuất xứ: in trong *Thơ về mẹ*, Nhiều tác giả, NXB Lao động, 2012)  **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1.Chuẩn bị đọc**  **2. Trải nghiệm cùng văn bản.**  **a. Đọc, theo dõi, tưởng tượng**  **3. Suy ngẫm và phản hồi**  **a. Tình cảm của em bé với mẹ.**  - Đợi mẹ: ngồi đợi mẹ mỏi mòn.  - Từ ngữ, hình ảnh: ngồi nhìn, lẫn, trông chờ,..; vầng trăng non, mẹ bế vào nhà... 🡪Nhân hóa  - Hình tượng độc đáo, thi vị làm rõ tình yêu mẹ của bé (chờ mẹ đến ngủ quên ngoài đầu hè) cũng như tình yêu bé của mẹ (âu yếm, thương yêu)  **b.Tâm trạng của tác giả**.  Tình cảm của con với mẹ, mẹ với con là một trong những tình cảm thiêng liêng, trân quý nhất của con người.  Tác giả bày tỏ sự yêu thương, gắn kết với người thân.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật.**  - Thể thơ tự do.  - Những hình ảnh giàu sức biểu cảm.  - Sử dụng thành công các biện pháp tư từ để làm nổi bật vẻ đẹp tình cảm gia đình.  **2. Nội dung.**  - Ca ngợi vẻ đẹp tình mẫu tử.  - Tự hào về truyền thống tốt đẹp về tình cảm gia đình ở nhiều khía cạnh. |

***3. Hoạt động3: Luyện tập***

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của giáo viên giao

c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: GV Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Hãy viết một đoạn văn ngắn( 5-7 câu) để bày tỏ suy nghĩ của em về tình cảm giữa những người thân trong gia đình.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ làm việc cá nhân.  + HS suy nghĩ, trả lời  + Gv quan sát, hỗ trợ  - Báo cáo, thảo luận:  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS nhận xét.  GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại | **Đoạn văn của HS:** viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng. Nêu được cảm xúc thật của bản thân đối với người thân. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c**) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  *Hãy tự vẽ hoặc sưu tầm một số bài thơ viết về tình cảm gia đình và viết một đoạn văn (khoảng 5-7 câu) giới thiệu về bộ sưu tập của mình.*  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  GV gợi ý cho HS bằng việc bám vào văn bản và vận dụng những trải nghiệm của cá nhân.  HS vẽ tranh,đọc các bài thơ sưu tầm, và viết đoạn văn giới thiệu.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm  HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **B4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn… | HS vẽ tranh,đọc các bài thơ sưu tầm, và viết đoạn văn giới thiệu bộ sưu tập. |

**\* Hướng dẫn tự học:**

**+ Bài vừa học:**

- Nắm được thông tin về tác giả Vũ Quần Phương.

- Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản: tình cảm của mẹ và em bé; cảm xúc của tác giả; nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**+ Bài sắp học: Một con meo nằm ngủ trên ngực tôi( Anh Ngọc)**

Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của bài thơ: Cảm xúc của nhân vật trữ tình; nội dung và nghệ thuật của văn bản.

…………………………………………………….

Tiết 128, 129

Văn bản 2

MỘT CON MÈO NẰM NGỦ TRÊN NGỰC TÔI

Anh Ngọc

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a**. **Mục tiêu**: Đặc điểm hình thức của thể loại thơ; một số nét độc đáo nghệ thuật khác như từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ…; tình cảm cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ; thông điệp của văn bản.

**b. Nội dung**: GV yêu cầu học sinh lắng nghe bài hát “Thương con mèo” và chia sẻ về một con vật nuôi mà mình yêu quý.

**c.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: GV Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** yêu cầu HS lắng nghe bài hát: “Thương con mèo”  ? Hình ảnh những chú cún, chú mèo… thân thiện dễ thương trong thực tế hay trong những câu chuyện, những bộ phim ..ít nhiều hẳn đã trở thành một phần trong kí ức tuổi thơ của em. Hãy chia sẻ về tình cảm của bản thân về một trong số những thú cưng ấy?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS hoạt động cá nhân, viết chia sẻ ra giấy nhớ.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV mời 1 – 2 HS trình bày trước lớp.  **B4:** GV nhận xét, dẫn dắt vào bài. Từ khi biết thuần hóa các loài vật để nuôi trong nhà, con người đã có tình yêu mến các loài vật. Đặc biệt là các loài vật gần gũi với con người như chó, mèo, trâu, bò, chim chóc,… Các loài vật nuôi đóng vai trò rất lớn trong đời sống lao động và tình cảm của con người. Thế nhưng, ngày nay, khi đời sống phát triển, con người ngày càng phai nhạt tình yêu thương đối với chúng. Phải chăng, chúng ta ngày càng mất dần đi tình yêu thương loài vật nuôi? Theo các em chúng ta cần có những hành động và suy nghĩ gì về động vật trong cuộc sống hiện nay? | Câu trả lời và sự chia sẻ của học sinh. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ “Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi”. Nhận biết tình cảm cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ. Hiểu được thông điệp của văn bản.

**b. Nội dung**: GV cho HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trải nghiệm cùng văn bản.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\*Tìm hiểu chung**  **B1: GV Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** giới thiệu khái quát về nhà thơ Anh Ngọc?  - GV hướng dẫn HS cách đọc và yêu cầu HS ngừng khoảng 1 phút sau khi đọc khổ 3 và câu thơ thứ 5 thuộc khổ 5 của bài thơ để các em thực hiện hoạt động suy luận và tưởng tượng.  Cách đọc: giọng đọc rõ ràng, tình cảm, thích thú.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc và trải nghiệm văn bản theo hướng dẫn và trả lời các câu hỏi ở hộp chỉ dẫn  + Em hình dung thế nào về hình ảnh “một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi”?  + Theo em, nhân vật “tôi” ca hát về điều gì?  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS nhận xét.  **B4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại:  - Hồn thơ hồn hậu, tinh tế, đậm chất suy tư.  - Hình ảnh “một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi” là có một chú mèo đang say giấc nồng trên lồng ngực của nhân vật “tôi”.  - Nhân vật “tôi” đang hát những lời ru mềm mại để cho chú mèo yên giấc ngủ.  **\*Tìm hiểu chi tiết**  ***- Gv chuyển giao nhiệm vụ:*** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Những dấu hiệu hình thức nào cho thấy “Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi là” là một bài thơ?  **- HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  Hs Trả lời theo hiểu biết.  **- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** GV gọi HS bất kì trả lời câu hỏi.  **- Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV nhận xét, chốt kiến thức.  ***- Gv chuyển giao nhiệm vụ:*** GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập số 1  Chia lớp thành 4 nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập.  **- HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  HS hoạt động nhóm, chia sẻ, thảo luận.  **- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm trước lớp.  **- Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** GV nhận xét, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  1.Tác giả: Anh Ngọc, tên thật là Nguyễn Đức Ngọc, sinh 1943, quê Nghệ An. Thơ Anh Ngọc tinh tế, hồn hậu, giàu chất suy tư.  2. Tác phẩm  -Thể loại: thơ tự do  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm  -Xuất xứ: in trong *Thơ Anh Ngọc- Thơ với tuổi thơ,* NXB Kim Đồng, 2003)  **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1.Chuẩn bị đọc**  **2. Trải nghiệm cùng văn bản.**  **a. Đọc, theo dõi, tưởng tượng**  **3. Suy ngẫm và phản hồi**  a. Dấu hiệu hình thức của thể loại thơ.  - Số tiếng mỗi dòng: linh hoạt (Thơ tự do)  - Chủ yếu gieo vần chân.  - Câu thơ ngắt nhịp nhịp nhàng.  - Ngôn ngữ thơ hàm súc.  b. Nét độc đáo của bài thơ  (Bảng 1) |

**Bảng 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nét độc đáo của bài thơ | | Nhận xét | | *Hình ảnh thơ (chú mèo)* | Đôi mắt trong veo, đôi mắt biếc trong veo | Chú mèo dễ thương, xinh xắn đáng yêu | | Hàm răng dài nhọn hoắt | | Như đứa trẻ giữa vòng tay ấp ủ | | Đôi tai vểnh ngây thơ | | Cái đuôi dài bướng bỉnh | | Hàng ria mép ngang tàng | | *Biện pháp tu từ* | So sánh: như đứa trẻ giữa vòng tay ấp ủ | Chú mèo thơ ngây tựa một đứa trẻ | | Ẩn dụ: Móng vuốt của đêm | Gợi hình ảnh sinh động | | Điệp từ: “ngủ đi” (6 lần)/ “được” (2 lần) | Thể hiện sự vỗ về, ấp ủ của nhân vật tôi dành cho chú mèo | | *Nhịp thơ* | Nhịp 3/5; 5/; 2/2/3/2 | Gợi nhịp điệu nhẹ nhàng, tình cảm | | *Từ ngữ* | Dùng nhiều tính từ: “Nhọn hoắt” “ngây thơ” “bướng bỉnh” “ngang tàng”… | Phác họa sinh động, cụ thể hình ảnh chú mèo | | *Yếu tố miêu tả và tự sự* | Chi tiết miêu tả hình ảnh chú mèo  Kể chuyện chú mèo nằm ngủ trên ngực | Gợi lên hình ảnh chu mèo nhỏ dễ thương và thể hiện sự gắn bó thân thiết giữa nhân vật tôi và chú mèo | | |
| Hoạt động của GV và HS | **Sản phẩm dự kiến** |
| *- GV chuyển giao nhiệm vụ:*GV yêu cầu HS đọc kĩ khổ thơ 1, 4,5 và trả lời câu hỏi cá nhân.  *? Trong bài thơ hình ảnh nào đã được nhắc lại tới hai lần?*  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi 5 phút:  *? Những từ ngữ nào trực tiếp thể hiện những cảm nhận, cảm xúc của nhân vật tôi khi có một chú mèo ngủ trên ngực mình?*  *? Sau khi trả lời được các câu hỏi em nhận ra nhân vật tôi đã dành tình cảm như thế nào cho chú mèo?*  *- HS thực hiện nhiệm vụ:*HS hoạt động nhóm đôi  *- Báo cáo thảo luận:*  GV mời 1 -2 nhóm trả lời trình bày trước lớp.  GV mời 1 – 2 nhóm nhận xét và bổ sung. | c. Tình cảm cảm xúc của nhà thơ  - Hình ảnh được nhắc lại tới hai lần: “trên ngực tôi một chú mèo nằm ngủ”.  - Tình cảm của nhân vật tôi (nhà thơ): Gắn bó, chở che, yêu thương đùm bọc và luôn cảm thấy hạnh phúc, vui sướng khi được bên cạnh chú mèo.  d.Thông điệp của bài thơ  - Hãy biết yêu thương, chở che cho những loài vật nhỏ bé gần gũi quanh mình, biết yêu thương đồng loại  - Hãy để trái tim mình được rung cảm, được đập những nhịp đập yêu thương và lắng nghe những nhịp đập ấy để biết sống sâu, sống chậm, sống ý nghĩa hơn.  III. Tổng kết  1.Nghệ thuật  - Lời thơ tha thiết, tràn đầy cảm xúc.  - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ.  - Từ ngữ gợi hình, gợi cảm.  2. Nội dung  Văn bản “Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi” đã thể hiện tình cảm yêu mến của tác giả dành cho chú mèo cưng của mình. |
| *- Kết luận Nhận định:*GV nhận xét, chốt kiến thức.  Những từ ngữ thể hiện cảm xúc, mối quan hệ của nhân vật tôi dành cho chú mèo đang ngủ:  *+ Nằm nghe nhịp nhàng thánh thót.*  *+ Trái tim tôi hòa nhịp trái tim mèo.*  *+ Trái tim tôi một phút bỗng mềm đi.*  *+ Lâng lâng hạnh phúc.*  *+ Được âu yếm, vuốt ve, đùm bọc.*  + Được âm thầm cất tiếng ca ru.  *\* Thông điệp của bài thơ*  - *GV chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi trả lời câu hỏi:  *. Từ cách nhân vật tôi yêu mến, gắn bó và cảm thấy hạnh phúc khi được ở cạnh chú mèo trong bài thơ, em nhận ra được thông điệp nhắn gửi nào cho bản thân?*  *- HS thực hiện nhiệm vụ:*HS hoạt động nhóm đôi 3 phút.  GV gọi 1 – 2 HS trả lời cá nhân  *- Báo cáo thảo luận:*GV gọi 1 – 2 HS nhận xét, bổ sung.  *- Kết luận Nhận định* :GV nhận xét, chốt kiến thức  *\* Tổng kết*  - *GV chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi trả lời câu hỏi:  *Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ?*  *- HS thực hiện nhiệm vụ:*HS hoạt động nhóm đôi.  GV gọi 1 – 2 HS trả lời cá nhân  *- Báo cáo thảo luận:*GV gọi 1 – 2 HS nhận xét, bổ sung.  *- Kết luận Nhận định* :GV nhận xét, chốt kiến thức |

***3. Hoạt động3: Luyện tập***

a. Mục tiêu: Học sinh biết chia sẻ suy nghĩ của em cùng các bạn trong lớp về vấn đề bảo vệ động vật trong đời sống hiện nay.

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của giáo viên giao.

c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: GV Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** **Viết đoạn văn ngắn( 5-7 câu) bày tỏ tình cảm, cảm xúc của em về con vật mà em yêu thích.**  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ làm việc cá nhân.  + HS suy nghĩ, trả lời  + Gv quan sát, hỗ trợ  - Báo cáo, thảo luận:  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS nhận xét.  GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại | **Đoạn văn của HS:** viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng. Nêu được cảm xúc thật của bản thân đối với con vật. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c**) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Chia sẻ suy nghĩ của em cùng các bạn trong lớp về vấn đề bảo vệ động vật trong đời sống hiện nay? Em có những hành động cụ thể gì để thể hiện tình yêu thương và bảo vệ động vật của bản thân?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, viết đoạn văn, trình bày.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV 1 -2 học sinh trình bày, học sinh khác bổ sung.  **B4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS . | Tùy theo sự chia sẻ kinh nghiệm của HS:  - Để bảo vệ các loài động vật bản thân em cần phải: + Không săn bắt, ngược đãi các loàivật. + Báo cho cơ quan chức năng những hành động như săn bắt, buôn bán trái phép…động vật. + Tuyên truyền cho mọi người biết về vai trò của động vật trong đời sống. |

**\* Hướng dẫn tự học:**

**- Bài vừa học:**

Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Thông điệp bài thơ.

**- Bài sắp học:** Đọc kết nối chủ điểm: ***Lời trái tim ( Pao-lo Cau-ê-lô)***

Đọc và trả lời các câu hỏi phần suy ngẫm và phản hồi bài ***Lời trái tim ( Pao-lo Cau-ê-lô)***

**Tiết 129**

Đọc kết nối chủ điểm:

**LỜI TRÁI TIM**

***( Pao-lo Cau-ê-lô)***

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học.

**b) Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**c) Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động của GV và HS Sản phẩm dự kiến**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV trình chiếu video về Tạo động lực: Không bao giờ bỏ cuộc: <https://www.youtube.com/watch?v=Ar6Hjp7GtCE>

GV đặt ra câu hỏi: Em hãy lắng nghe đoạn video sau và lắng nghe trái tim mình có cảm xúc gì?

\* Thực hiện nhiệm vụ:

-HS lắng nghe và trả lời cá nhân câu hỏi.

**\* Báo cáo, thảo luận**: 2,3 HS trình bày cảm xúc của mình.

**\* Kết luận, nhận định.**

GV góp ý câu trả lời của HS, khuyến khích HS mạnh dạn bộc lộ cảm xúc của mình.

**Ví dụ:**

- Video đã tạo động lực cho em, em sẽ cố gắng học để đạt học sinh giỏi.

- Trái tim em nói em sẽ cố gắng vượt qua sự lười biếng của mình để làm người chiến thắng.

- Em sẽ cố gắng hết mình thực hiện ước mơ của em.

GV định hướng: Những điều các em vừa trình bày chính là điều trái tim các em đang muốn nói, nó đang thôi thúc các em hành động để làm người chiến thắng.

Vậy hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản đọc kết nối chủ điểm : Lời trái tim của tác giả Paulo Coelho để hiểu hơn về những điều trái tim muốn nói với chúng.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

a) Mục tiêu: Vận dụng kỹ năng đọc để hiểu nội dung câu chuyện. Liên hệ kết nối với văn bản Đợi mẹ, Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi để hiểu hơn về chủ điểm Lắng nghe trái tim mình.

b) Nội dung: Trải nghiệm cùng văn bản; tìm hiểu phần suy ngẫm và phản hồi.

c) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\*Trải nghiệm cùng văn bản**  - GV chuyển giao nhiệm vụ hoạc tập.  NV 1: HS đọc bài theo kiểu phân vai.  NV 2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm, thể loại, phương thức biểu đạt.  **- Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc phân vai  - Vai nhà luyện kim đan  - Vai cậu bé chăn cừu  - Vai người kể chuyện  - Thực hiện trả lời câu  **- Báo cáo, thảo luận**  Hs nhận xét cách đọc bài của các vai.  Báo cáo phiếu bài tập đã chuẩn bị ở nhà về tác giả và tác phẩm.  **- Kết luận, nhận định**  . GV nhận xét cách đọc, khen ngợi các em đọc đúng vai và giọng điệu đúng.  . Nhận xét kết quả làm việc ở nhà của các nhóm.  . Kết luận chốt: Nhà giả kim là tiểu thuyết nổi tiếng nhất của nhà văn Paulo Coelho. Tác phẩm đã được dịch ra 67 ngôn ngữ và bán ra tới 95 triệu bản trở thành một trong những cuốn sách bán chạy nhất mọi thời đại  - Là câu chuyện đầy ý nghĩa về cuộc hành trình đi tìm và chinh phục ước mơ, qua đó tác giả gửi gắm nhiều thông điệp ý nghĩa về cuộc đời.  **\*Suy ngẫm và phản hồi**  **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV Chuyển giao phiếu bài tập cho HS là những câu hỏi trong SGK.  -**Thực hiện nhiệm vụ học tập.**  Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận.  .Nhóm 1,2 thực hiện trả lời câu số 1 và 3 (SGK tr104)  . Nhóm 3,4 thực hiện trả lời câu số 2 và 4.  (SGK tr 104)  **- Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập. Dán bảng phụ lên bảng và đại diện các tổ nhóm lên trình bày và điều khiến lớp thảo luận.  **- Kết luận, nhận định.**  GV kết luận dựa trên kết quả thảo luận của học sinh. **Câu 1:** “Vì tim ở đâu thì kho báu ở đó”. “Vì chẳng bao giờ bắt trái tim im lặng được. Ngay cả khi cậu làm như không thèm nghe nó nói thì nó vẫn luôn ở trong con người cậu, nhắc đi nhắc lại những điều cậu nghĩ về cuộc đời và thế giới”.  **Câu 2:** Hiểu rõ trái tim mình, lắng nghe nó nói, hiểu rõ nó muốn gì, ước mơ gì thì sẽ biết cách ửng xử phù hợp.  **Câu 3:**  Đồng tình.  Vì: khi ta sống và nỗ lực theo những hoài bão, khát vọng thì cuộc sống sẽ vô cùng ý nghĩa, tràn đầy hạnh phúc cho dù có chông gai, hoặc có thất bại ta cũng học được bài học cho chính mình để tiếp tục cố gắng.  **\* Tổng kết**  ***\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:*** Trình bày giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định.***  Văn bản nói về cuộc hành trình vượt qua sa mạc của cậu bé chăn cừu Santiago đến kim tự tháp Ai Cập để tìm kho báu. Qua cuộc nói chuyện với nhà giả kim, Santiago biết được vì sao cần lắng nghe trái tim mình. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản.**  a. Đọc.  + Tác giả: Paulo Coelho là tiểu thuyết gia nổi tiếng Brazil.  + Tác phẩm: Được trích trong tác phẩm *Nhà giả kim*  + Thể loại: tiểu thuyết.  + Phương thức biểu đạt là tự sự, biểu cảm.  + Bố cục:  - Phần 1: từ đầu…*cậu tìm cũng ở đó :*hành trình 2 ngày kế tiếp trên sa mạc.  - Phần 2: Còn lại: Trái tim cậu bé sợ đau khổ.  **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Lời nói trái tim của cậu bé chăn cừu.**  - Trái tim cậu luôn thay đổi cảm xúc:(Không phải lúc nào cũng ngoan. Trái tim cậu lúc kể lể hàng giờ liền về nỗi nhớ nhung của nó. Xúc động trước cảnh mặt trời mọc. Tim cậu đập mạnh khi nghe tìm kho báu...,Trái tim sợ đau khổ)  → Trái tim cậu bé luôn thay đổi trước mọi vấn đề.  **2. Thông điệp từ tác phẩm.**  - Trái tim mình luôn có những lý lẽ.  - Hãy lắng nghe những lời mà trái tim mình muốn nói.  - Chưa có trái tim nào đau khổ khi thực hiện ước mơ.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Tác phẩm mang tính “thần thoại”, “tôn giáo” và “triết lý”.  -  Cách kể chuyện lôi cuốn, có yếu tố cổ tích, giản dị, giàu chất thơ.  -  Thành công trong xây dựng tâm lý nhân vật.  **2. Nội dung:**  - Văn bản nói về cuộc hành trình vượt qua sa mạc của cậu bé chăn cừu Santiago đến kim tự tháp Ai Cập để tìm kho báu. Qua cuộc nói chuyện với nhà giả kim, Santiago biết được vì sao cần lắng nghe trái tim mình. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS( câu hỏi 4 SGK/104)  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Chiếu bài tập  **HS:** Đọc yêu cầu của bài và thực hiện bài tập.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nêu bài làm của mình.  - HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Ví dụ:  - **“Trái tim cậu ở đâu thì kho báu cậu tìm cũng ở đó.”**  Khi “tìm thấy trái tim mình” ấy là lúc con người tìm thấy bản ngã, tìm thấy những mong muốn ẩn sâu thầm kín, tìm thấy chính con người mình, những gì ta tin và không tin, những gì ta cần và không cần, những gì ta thấy đúng đắn và cả những gì ta cho là sai trái, dở tệ. Nó sẽ dẫn đường, mở lối cho ta, để ta biết mình cần phải dũng cảm hơn, cần phải quyết tâm hơn, cũng quyết định cho ta một đường hướng, một lý tưởng để phấn đấu và vươn tới. Đó chính là kho báu mà vũ trụ ban tặng cho mỗi người.  - **“Chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện ước mơ”**  Khi ta cố gắng thực hiện giấc mơ, mỗi một ngày đều chan hòa niềm vui, vì mỗi giờ qua đi đều sẽ đem ta lại gần kho tàng hơn; ta phát hiện trên đường nhiều điều mà ta không bao giờ được thấy nếu ta không can đảm. Khi ta sống và nỗ lực theo những hoài bão, khát vọng thì cuộc sống sẽ vô cùng ý nghĩa, tràn đầy hạnh phúc cho dù có chông gai. |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn. HS nói ra được điều mà các em cảm nhận được. Rèn luyện cảm xúc cho trái tim.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
| **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ** **học tập:** GV yêu cầu HS đứng dậy tại chỗ, đặt tay phải lên ngực, nhắm mắt lại và lắng nghe bài hát “ Con nợ mẹ” . Sau đó bộc lộ cảm xúc của mình.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS nghe bài hát và bộc lộ cảm xúc của mình bằng một đoạn văn.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - Hình ảnh học sinh xúc động lắng nghe bài hát.  - Một số HS đoạn văn của mình.  - HS khác nhận xét trên cơ sở tôn trọng cảm xúc của người viết.  **B4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV nhận xét về kỹ năng viết đoạn văn của học sinh và tôn trọng cảm xúc của học sinh. GV khuyến khích học sinh bộc lộ cảm xúc của mình. Khuyến khích học sinh lắng nghe trái tim mình, khi vui chúng ta có thể cười, khi buồn chúng ta có thể khóc. Khi yêu, ghét, giận hờn chúng ta cũng nên bộc lộ ra. Sống đúng với trái tim mình. Muốn vậy chúng ta phải nuôi dưỡng tâm hồn thật tốt, để trái tim ta định hướng cho chúng ta đúng đường đúng lối. |  |

**\* Hướng dẫn tự học:**

**- Bài vừa học:**

Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**- Bài sắp học:**

Chuẩn bị tiết “Thực hành tiếng Việt ”: tìm hiểu khái niệm ngữ cảnh và nghĩa của từ trong từng ngữ cảnh nhất định. Xem trước cac bài tập trong SGK.

…………………………………………………………….

**Tiết 130,131**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**NGỮ CẢNH VÀ NGHĨA CỦA TỪ TRONG NGỮ CẢNH**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi cho HS. HS xác định được mục tiêu của bài học.

**b) Nội dung**: Học sinh nhìn hình ảnh giải nghĩa từ trong câu văn nhất định.

**c) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HSSản phẩm dự kiến

**\* Giao nhiệm vụ học tập:** GV trình chiếu hình ảnh và câu văn phù hợp với hình ảnh, học sinh thảo luận cặp đôi và trả lời

**Ví dụ 1:**



Con ngựa đang đứng bỗng lồng lên. Bắt được con chim anh ấy nhốt vào lồng.

Em hãy giải nghĩa từ lồng trong 2 trường hợp trên.

**Ví dụ 2:**

a. Cái ghế này ***chân*** bị gãy rồi (1)

b. Nam đá bóng nên bị đau ***chân*** (2)

c. Các vận động viên đang tập trung dưới ***chân*** núi (3)

 A picture containing text, tree, snow, outdoor

Description automatically generated

Thực hiện trò chơi ai nhanh hơn, GV tổ chức cho HS gắn câu văn vào hình ảnh với nghĩa của từ chân.

Ví dụ 3: GV chuyển giao cho HS ví dụ sau yêu cầu HS đoán vật mà em bé bưng và giải nghĩa của từ cởi

Em hãy xem xét trường hợp sau:

Em bé bưng ……………vào nhà và nói với mẹ:

* Mẹ ơi cởi ra.

Theo em nghĩ em bé nói mẹ cởi cái gì?

Sau đó GV lần lượt đưa ra hình ảnh vật mà em bé bưng ra HS rút ra nghĩa của từ cởi trong từng trường hợp trên.

  

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Ví dụ 1: HS thực hiện theo cặp đôi thảo luận.

- Ví dụ 2: HS làm việc cá nhân.

- Ví dụ 3: HS thảo luận cặp đôi.

**\* Báo cáo, thảo luận**

HS lần lượt trình bày kết quả thảo luận trước lớp

**\* Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét cách HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, kết luận đáp án đúng của các ví dụ.

Ví dụ 1: Nghĩa từ lồng trong 2 trường hợp:

* “ ngựa lồng lên”: hăng, mạnh lên;
* “ lồng chim” Đồ đan hoặc đóng bằng tre hoặc bằng sắt dùng để nhốt gà hoặc chim.

Ví dụ 2:

 

Chân ghế ( 1) Chân người (2) chân núi(3)

**Ví dụ 3:** Từ cởi trong 3 trường hợp trên

* Cởi cặp ( mở cái cặp ra)
* Cởi gói bánh ( bóc gói bánh ra)
* Cởi quả bưởi ( bóc quả bưởi)

Từ những ví dụ trên GV định hướng : cùng một từ nhưng khi đặt trong những câu văn nhất định chúng ta sẽ hiểu theo một nghĩa nhất định. Câu văn trong trường hợp như vậy người ta gọi là ngữ cảnh, nghĩa của từ trong trường hợp như vậy người ta gọi là nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được khái niệm Ngữ cảnh. Hiểu được nghĩa của từ trong từng ngữ cảnh nhất định.

**b**. **Nội dung:** Học sinh đọc phần Tri thức tiếng Việt trong sách giáo khoa, GV lấy ví dụ giảng giải thêm cho học sinh nắm vững khái niệm ngữ cảnh.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs đọc khái niệm ngữ cảnh và ví dụ trong sách giáo khoa (trang 97).  **-** Gv trình chiếu ví dụ sau và yêu cầu HS trả lời “ người cha” trong trường hợp trên là chỉ ai?  Ví dụ:   1. **Người cha** luôn yêu thương con vô điều kiện. 2. **Người cha** mái tóc bạc   Đốt lửa cho anh nằm  ( Đêm nay Bác không ngủ - Minh Huệ)  Vì sao em biết như vậy?  **\* Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Hs đọc phần khái niệm ngữ cảnh và ví dụ trong sách giáo khoa (trang 97).  Sau đó GV trình chiếu lần lượt các ví dụ trong SGK yêu cầu HS gấp sách lại tìm nghĩa của từ.  \* **Báo cáo, thảo luận.**  HS trả lời cá nhân, HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**.  GV dựa vào SGK và câu trả lời của HS đưa ra kết luận. | **I.Tri thức tiếng Việt:**  **1.Khái niệm ngữ cảnh**:  - Ngữ cảnh của một từ là những yếu tố ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ xung quanh nó. Như vậy, ngữ cảnh có thể là một tình huống, một đoạn văn, một câu, một cụm từ và cũng có thể là một từ. Ngữ cảnh có vai trò quan trọng trong việc lựa chọn từ ngữ khi viết hoặc nói và hiểu nghĩa của từ khi đọc hoặc nghe.  Ví dụ:   1. Người cha chỉ người sinh ra ta. 2. Người cha chỉ Bác Hồ.   Vì căn cứ vào ngữ cảnh.  **2. Nghĩa của từ trong ngữ cảnh.**  Trong mỗi ngữ cảnh, từ thể hiện khả năng kết hợp với các yếu tố khác, qua đó bộ lộ một nghĩa xác định nào đó. Khi gặp một từ không biết nghĩa, có thể dựa vào ngữ cảnh để xác định nghĩa của từ.  **Ví dụ 1 SGK**  - Khúc khuỷu: có nhiều đoạn gấp khúc ngắn, nối nhau liên tiếp rất nguy hiểm.  - Dựa vào ngữ cảnh “nhiều đoạn gấp khúc ngắn, nối nhau liên tiếp” trong câu văn trên để xác định nghĩa của từ  **Ví dụ 2 SGK**  - Phát minh: Tìm ra cái có cống hiến cho khoa học và loài người.  - Dựa vào một số ví dụ cụ thể : “máy hơi nước, điện, tivi, máy vi tính.”  **Ví dụ 3**:  - Lửa: màu đỏ của hoa lựu.  Nghĩa của từ lửa trong ngữ cảnh trên sử dụng với nghĩa ẩn dụ không dùng theo nghĩa thông thường. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**

- Học sinh biết vận dụng kiến thức ở phần tri thức tiếng Việt áp dụng làm bài tập trong sách giáo khoa.

**b. Nội dung:** Học sinh thực hiện thảo luận nhóm, điền vào phiếu bài tập.

**c. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HSSản phẩm dự kiến

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**GV giao phiếu học tập cho hs yêu cầu học sinh thực hiện.**

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1**

**Bài tập 1 và 3 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | **Nghĩa của từ trong ngữ cảnh** | **Căn cứ vào đâu** |
| 1. Em bé ngồi nhìn ra ruộng lúa  Trời tối trên đầu hè. Nửa vừng trăng **non**. ( Vũ Quần Phương, Đợi mẹ) |  |  |
| 2.[…] Tim cậu đập nhanh khi nó nghĩ về kho báu, đập chậm hẳn khi cậu mơ màng lặng nhìn chân trời vô tận trên sa mạc. Nhưng nó không bao giờ **câm nín** kể cả khi cậu và nhà luyện kim đan không nói với nhau một lời nào. |  |  |
| Em hãy nêu cách xác định nghĩa của từ đưa vào ngữ cảnh?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….. | | | |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**

**Bài tập 2 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | Nghĩa của từ trong ngữ cảnh | **Ví dụ** |
| Trái tim tôi trong một phút bỗng **mềm** đi.  Một nỗi gì lâng lâng như hạnh phúc.  Được âu yếm, được vuốt ve, đùm bọc,  Được âm thầm cất tiếng ca ru.  (Anh Ngọc, Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi) |  |  |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3**

**Bài tập 4 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | **Nghĩa của từ trong ngữ cảnh** | **Giải thích** |
| a. Cha ông ta đã mở mang vùng đất hoang này để trồng trọt, sinh sống từ rất lâu đời. Công lao **khai khẩn** ấy con cháu cần đời đời ghi nhớ. |  |  |
| b. Một mình chị ấy **quán xuyến** mọi việc trong gia đình từ dọn dẹp, nấu ăn đến đưa đón, dạy dỗ con cái. |  |  |
| c. Người vị tha luôn vì người khác, biết nghĩ cho người khác. Đây là một đức tính tốt. Trái với người vị tha là **người vị kỉ.** |  |  |
| d. Bây giờ tôi chẳng thiết tha với chuyện gì cả. Tôi chỉ tha thiết mong anh giải quyết cho trường hợp của tôi. |  |  |

**\* Tổ chức thực hiện**

- GV chia lớp học thành 6 nhóm, 2 nhóm sẽ cùng làm 1 phiếu bài tập để có thể đối chiếu kết quả giữa các nhóm với nhau.

- Học sinh thảo luận với nhau trong vòng 4 phút sau đó ghi ra kết quả vào phiếu bài tập ( là bảng phụ đã được giáo viên chuẩn bị trước, đủ lớn để cả lớp nhìn được.)

**\* Báo cáo, thảo luận**

HS các nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

**\* Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét cách HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, kết luận đáp án đúng của các phiếu bài tập.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | **Nghĩa của từ trong ngữ cảnh** | **Căn cứ vào đâu** |
| 1. Em bé ngồi nhìn ra ruộng lúa  Trời tối trên đầu hè. Nửa vừng trăng **non**. ( Vũ Quần Phương, Đợi mẹ) | Trăng đầu tháng chưa tròn, còn khuyết. | Từ ngữ: “nửa vừng trăng” |
| 2.[…] Tim cậu đập nhanh khi nó nghĩ về kho báu, đập chậm hẳn khi cậu mơ màng lặng nhìn chân trời vô tận trên sa mạc. Nhưng nó không bao giờ **câm nín** kể cả khi cậu và nhà luyện kim đan không nói với nhau một lời nào. | Không có cảm xúc, trái tim không gửi thông điệp | Dựa vào ngữ cảnh đang nói về trái tim |
| Cách xác định nghĩa của từ trong ngữ cảnh:  - Cần dựa vào từ ngữ trong ngữ cảnh.  - Cần phải lưu ý xem trong ngữ cảnh này, từ được dùng theo nghĩa thông thường hay dùng với nghĩa khác. | | | |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**

**Bài tập 2 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | Nghĩa của từ trong ngữ cảnh | **Ví dụ** |
| Trái tim tôi trong một phút bỗng **mềm** đi.  Một nỗi gì lâng lâng như hạnh phúc.  Được âu yếm, được vuốt ve, đùm bọc,  Được âm thầm cất tiếng ca ru.  (Anh Ngọc, Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi) | Dịu dàng, tràn ngập tình yêu thương | Cô đã mềm lòng trước việc làm của nó. |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3**

**Bài tập 4 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | **Nghĩa của từ trong ngữ cảnh** | **Giải thích** |
| a. Cha ông ta đã mở mang vùng đất hoang này để trồng trọt, sinh sống từ rất lâu đời. Công lao **khai khẩn** ấy con cháu cần đời đời ghi nhớ. | Làm cho đất khai hoang trở thành đất trồng trọt | Dựa vào ngữ cảnh là cụm từ “ mở mang vùng đất hoang này để trồng trọt, sinh sống” |
| b. Một mình chị ấy **quán xuyến** mọi việc trong gia đình từ dọn dẹp, nấu ăn đến đưa đón, dạy dỗ con cái. | Trông coi, đảm đương hết mọi việc. | Dựa vào câu văn “ Một mình chị ấy quán xuyến mọi việc trong gia đình từ dọn dẹp, nấu ăn đến đưa đón, dạy dỗ con cái.” |
| c. Người vị tha luôn vì người khác, biết nghĩ cho người khác. Đây là một đức tính tốt. Trái với người vị tha là **người vị kỉ.** | Người chỉ biết lo đến lợi ích cá nhân mình, không biết nghĩ cho người khác. | Dựa vào các câu văn  “ Người vị tha luôn vì người khác, biết nghĩ cho người khác.” “Trái với vị tha là người vị kỉ” |
| d. Bây giờ tôi chẳng **thiết tha** với chuyện gì cả. Tôi chỉ tha thiết mong anh giải quyết cho trường hợp của tôi. | thiết tha: luôn luôn nghĩ đến, quan tâm đến. | Căn cứ vào ngữ cảnh cả 2 câu văn**.** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu**

- Học sinh vận dụng kiến thức giải nghĩa của từ trong ngữ cảnh cụ thể.

- Rèn luyện kỹ năng nghe một vấn đề qua video và rút ra được bài học.

**b. Nội dung**: Học sinh làm việc cặp đôi trả lời câu hỏi số 1, xem video và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của GV và HSSản phẩm dự kiến

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

NV 1: Xác định nghĩa của từ **“cần”** trong ngữ cảnh sau và căn cứ vào đâu em xác định được.

Tựa gối ôm **cần** lâu chẳng được

Cá đâu đớp động dưới chân bèo

*( Câu cá mùa thu – Nguyễn Khuyến)*

NV 2: Học sinh xem video “Nói có đầu có đuôi”và nhận xét nhân vật người con đã áp dụng lời dạy trong hoàn cảnh nào? Em rút ra bài học gì trong quá trình giao tiếp? https://www.youtube.com/watch?v=h7xKad-r19I&t=61s

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS làm việc cặp đôi thực hiện NV1, sau đó GV cho HS xem đoạn video thực hiện trả lời câu hỏi.

**\* Báo cáo, thảo luận**

HS trình bày kết quả thảo luận NV1, các bạn cùng thảo luận đưa ra đáp án thống nhất.

Đối với NV 2: GV mời 2-3 HS trả lời câu hỏi.

**\* Kết luận, nhận định**

GV đưa ra kết luận dựa trên kết quả thảo luận của học sinh.

- Đối với NV 1: GV đưa kết luận: Cần: chỉ cần câu cá

Căn cứ vào: nhan đề của bài thơ,

Căn cứ vào câu thơ “ Cá đâu đớp động dưới chân bèo”

- Đối với NV 2: Cậu bé trong video đã áp dụng lời dạy “ nói có đầu có đuôi” một cách máy móc dẫn đến chiếc áo của người ba đã bị cháy, chi tiết đó đã tạo nên tiếng cười cho câu chuyện.

-> GV rút ra kết luận dựa trên câu trả lời của học sinh: Trong giao tiếp chúng ta phải chú ý sử dụng từ cho đúng nghĩa, đúng ngữ cảnh, đúng hoàn cảnh giao tiếp.

**\* Hướng dẫn tự học:**

**- Bài vừa học:**

+ Nhận biết được được khái niệm ngữ cảnh.

+ Hiểu được nghĩa của từ trong từng ngữ cảnh nhất định

**- Bài sắp học:**

Chuẩn bị tiết “Mẹ”(Đỗ Trung Lai): Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

Trả lời các câu hỏi trong SGK trang 106

**………………………………………………………….**

**Tiết 136**

**Đọc mở rộng theo thể loại MẸ**

**- Đỗ Trung Lai-**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV cho HS nghe một bài hát.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
| **B1:GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  *-* GV cho học sinh nghe bài hát mẹ của Đỗ Trung Quân. Nêu cảm nhận của bản thân.  B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và cảm nhận.*  B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  B4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  *- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Đúng như lời bài hát, người con từ lúc còn trong bụng mẹ đã cảm nhận được biết bao tình cảm của người mẹ và cả sự quan tâm chăm sóc của người cha. Và rồi khi ta chào đời, ta lại được nuôi lớn bằng dòng sữa ngọt ngào của người mẹ và bao vất vả khó nhọc của người cha. Thời gian cứ thế trôi đi, đồng nghĩa với việc con ngày càng lớn khôn và cha mẹ ngày càng vất vả hơn để lo chu toàn cho ta từ miếng cơm manh áo đến học hành, dưỡng dục ta nên người. Chính vì thế đó là tình cảm vô bờ của họ mà ta cảm nhận được từ trái tim. Và có lúc ta cũng đã ẩn chứa bên trong trái tim ta mà ta đã từng thể hiện ở sự chờ đợi họ khi vào một ngày nào đó mà ta chưa nghe, chưa thấy mẹ dường như mình thiếu vắng một thứ gì khó tả đúng không các con? Và đó cũng là nội dung bài học mà cô trò mình tìm hiểu trong tiết học này, các con ạ! |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được những nét cơ bản về ngôn ngữ thơ. Hiểu được vẻ đẹp nội dung và hình thức bài thơ trong ngữ cảnh cụ thể.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HĐ1. Tìm hiểu tác giả (SGK/99) và đọc tác phẩm.**  **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Nêu những hiểu biết của em về **tác giả và tác phẩm?**  - Xác định thể loại, xuất xứ của văn bản?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.  - Bước 1.GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, biểu cảm...  - Bước 2. HS đọc.  - Bước 3. Nhận xét cách đọc của HS.  \*Suy ngẫm và phản hồi**.**  **a. Hình ảnh người mẹ.**  ***\* Bước 1:*** *GV cho HS nghe lại bài hát trên*(GV mở cho HS quan sát trực tiếp).  **Sau đó giao nhiệm vụ:**  Bài thơ được làm theo thể thơ nào? Chỉ ra đặc điểm của thể thơ đó ở các yếu tố: Số tiếng và nhịp ở các dòng thơ; vần của bài thơ.  Bài thơ được làm theo thể thơ 4 chữ:  + Số tiếng và nhịp ở các dòng thơ: Số tiếng 4, nhịp chủ yếu là 2/2, có câu ngắt nhịp 1/3.  + Vần của bài thơ: Bài thơ gieo ở vần cuối câu 2 và câu 4 của mỗi khổ thơ.  ? So sánh vần và nhịp trong bài Mẹ với bài Đợi mẹ và Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi. Phân tích tác dụng của những cách gieo vần và ngắt nhịp khác nhau trong ba bài thơ.  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định***  - Hình ảnh người mẹ được đối chiếu với hình ảnh cây cau.  **+** Cây cau là hình ảnh quen thuộc xuất hiện trong nhiều câu chuyện dân gian, tượng trưng cho tình nghĩa thủy chung của con người Việt Nam. Nó còn gắn liền với làng quê, với hình ảnh với phụ nữ Việt Nam, các bà mẹ thường nhai trầu cau. Hình ảnh mẹ được đặt bên cạnh một hình ảnh quen thuộc trong văn hóa Việt Nam.  ***b. Tình cảm của người con dành cho mẹ***  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Em có nhận xét gì về cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của người con với mẹ trong bài thơ này? Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ để làm rõ ý kiến của em.  ?Chủ đề bài thơ là gì?  ? Theo em, nhà thơ muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ? Thông điệp ấy có ý nghĩa như thế nào đối với em?  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.**  **\*Bước 4: Kết luận nhận định*.***  => Vào tuổi xế chiếu, bao lo toan vất vả của cuộc đời đã rút cạn sức lực của mẹ.  + Nâng: sự trân trọng, nâng niu miếng trầu - hình ảnh tượng trưng cho mẹ.  + Cầm: tình cảm dồn nén, chứa đựng bao xót xa, tình cảm của con dành cho mẹ  +Với sự xót xa, con tự vấn trời đất cũng là tự vấn bản thân mình: Sao mẹ ta già? Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con. "Mây bay về xa" như mái tóc mẹ hòa vào mây trắng. Lời thơ mở ra dư âm nghẹn ngào, nỗi xúc động dưng dưng.  ***\** Tổng kết**  ***\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:*** Trình bày giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định.*** | **I. Trải nghiệm cùng văn bản.**  **1. Đọc.**  a. Tác giả:  - Đỗ Trung Lai sinh năm 1950, quê ở Hà Nội. - Ông đã xuất bản nhiều tác phẩm trong đó có thơ và các bản dịch. - Ông được trao tặng Giải thưởng Văn học Bộ Quốc phòng năm 1994 với tập thơ "Đêm sông Cầu".  b. Tác phẩm**:**Bài thơ Mẹ được trích trong tập "Đêm sông Cầu", Nhà xuất bản Quân đội nhân dân năm 2003.  - Thể thơ: bốn chữ. **- Phương thức biểu đạt** chính của bài thơ :biểu cảm.  **II. Suy ngẫm và phản hồi.**  1.Hình ảnh người mẹ.  - Hình ảnh người mẹ được đối chiếu với hình ảnh cây cau.  - Thời gian cũng rất khắc nghiệt, nó làm mẹ càng ngày càng già đi. Hình ảnh mẹ và cây cau được đặt cạnh nhau cho thấy được sự đối lập tương phản và nỗi xót xa của người con khi mẹ càng ngày càng già yếu.  2.Tình cảm của người con dành cho mẹ.  - Nỗi buồn, xót xa của người con trước tuổi già của mẹ.  - Con thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của đời mẹ, trân trọng những hi sinh mẹ đã dành cho con nhưng không khỏi đau đớn trước những vất vả của mẹ.  - Với sự xót xa, con tự vấn trời đất cũng là tự vấn bản thân mình: Sao mẹ ta già?  => Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con. "Mây bay về xa" như mái tóc mẹ hòa vào mây trắng. Lời thơ mở ra dư âm nghẹn ngào, nỗi xúc động dưng dưng.  **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật.  - Thể thơ bốn chữ.  - Lời thơ giản dị, tự nhiên.  - Ngôn từ tinh tế.  2. Nội dung. Bài thơ mượn hình ảnh cây tre quen thuộc để khắc họa mẹ. Qua đó, bài thơ thể hiện sự vất vả của cuộc đời mẹ, tình yêu thương chân thành của con dành cho mẹ và sự đau đớn, buồn tủi khi quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, dường như ngày con xa mẹ đang đến gần. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

**b) Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
| B1:GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  So sánh vần và nhịp trong bài Mẹ với bài Đợi mẹ và Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi. Phân tích tác dụng của những cách gieo vần và ngắt nhịp khác nhau trong ba bài thơ.  B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập  B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  HS: Trình bày  Nhận xét  B4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  Nhận xét, đánh giá, chốt. | 1.Mẹ: Vần cách – Nhịp 2/2- Dễ thuộc, dễ nhớ.  2. Đợi mẹ: Vần lưng – Nhịp 3/3, 2/3, 3/2 - Sử dụng nhịp điệu linh hoạt nhằm giàu sức gợi, giản dị và đầy tự nhiên.  3. Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi: Vần cách – Nhịp 3/5, 4/5, 3/4 - Sử dụng nhịp điệu linh hoạt khiến bài thơ vừa thôi thúc, vừa nhẹ nhàng, tăng sức biểu đạt mạnh mẽ nhằm thể hiện tình cảm giữa nhân vật “tôi” với mèo. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c)** **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
| B1:GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  *Quan sát người thân trong gia đình của mình qua năm tháng, em thấy họ có những thay đổi như thế nào? Em có cảm xúc gì khi nhận ra những thay đổi ấy?*  B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập  B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  HS: Trình bày  Nhận xét  B4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  Nhận xét, đánh giá, chốt. |  |

**\* Hướng dẫn tự học:**

**- Bài vừa học:**

Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản. Chủ đề và thông điệp của văn bản.

- **Bài sắp học:**

Chuẩn bị tiết “Viết bài văn bản biểu cảm về con người.”: Nắm các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người; cách viết bài văn biểu cảm về con người.

Sưu tầm một bài bài phát biểu cảm nghĩ về con người và thực hành tóm tắt.

**………………………………………………………**

**Tiết 137,138**

**VIẾT BÀI**

**VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Chiếu đoạn video: “Mẹ ơi, con yêu mẹ”  <https://www.youtube.com/watch?v=S0C1LddbFFk>  -GV đặt câu hỏi liên quan kiểu bài từ video:  *? Trong video, em bé đã thể hiện tình cảm cảm xúc gì? Với đối tượng nào? Khi thể hiện cảm xúc, em bé có kể hay tả lại điều gì không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, Quan sát, lắng nghe đoạn nhạc, trả lời  -GV đánh giá, chốt và dẫn vào bài mới  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài mới | - Học sinh quan sát, lắng nghe và trả lời, tùy vào câu trả lời của học sinh mà GV định hướng, có cách dẫn dắt vào bài cho phù hợp |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** khái niệm và các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: phát phiếu học tập, nêu câu hỏi ôn tập.  *? Kiểu bài biểu cảm về con người là dạng bài như thế nào?*  *? Với kiểu bài này, cần đảm bảo những yêu cầu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn.  **\*Phân tích ví dụ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc bài mẫu (SGK /107 ) và trả lời vào phiếu học tập, hoạt động theo nhóm:   |  |  | | --- | --- | | **PHIỀU HỌC TẬP** | | | **Câu hỏi** | **Nội dung trả lời** | | *1.Bài văn được viết để biểu lộ điều gì?* | ………………  ……………… | | *2.Tìm trong mở bài, câu văn giới thiệu về nhân vật, câu thể hiện cảm xúc của người viết đối với nhân vật?* | ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ……………… | | *3.Ở phần thân bài, người viết đã biểu lộ những cảm xúc gì dành cho nhân vật ? Để làm rõ những cảm xúc ấy, người viết đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào?* | ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ……………… | | *4.Dựa vào tình cảm, suy nghĩ được bộc lộ trong bài viết, người đọc có cảm nhận được tình cảm cảm xúc của người viết dành cho nhân vật không?* | ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ……………… | | *5.Ở đoạn kết bài, người viết đã trình bày những nội dung gì?* | ………………  ………………  ………………  ……………… | | *6.Từ bài viết trên, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách viết bài văn biểu cảm về con người?* | ………………  ………………  ………………  ………………  ……………… |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Ôn tập khái niệm và các yêu cầu đối với bài văn văn biểu cảm**  ***1. Khái niệm***  Kiểu văn bản trình bày cảm xúc của người viết về đối tượng  ***2. Yêu cầu:***  ***-*** Tình cảm trong sáng, chân thật  -Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc  -Phương thức kết hợp: miêu tả và tự sự  -Bố cục: 3 phần  MB:Giới thiệu đối tượng biểu cảm, biểu đạt cảm xúc chung về đối tượng.  TB:Biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ cụ thể một cách sâu sắc về đối tượng.( Cảm xúc , suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm đối với người đó  KB:Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng, rút ra điều đáng nhớ với bản thân.  **II. Phân tích ví dụ**  1.Bài văn được viết để biểu lộ tình cảm *: quý mến một người bạn*  2.  - Câu văn giới thiệu về nhân vật: *Mãi đến gần cuối năm , tôi mới thân với Lan, người bạn cùng bàn.*  -Câu văn thể hiện cảm xúc của người viết:  + *Tôi yêu quý Lan bởi tính….*  *+ Có bạn thân …. Thật là tuyệt.*  3.  a.Những cảm xúc :  -Ban đầu không thích bạn  -Sau đó: quý mến bạn  b.Sử dụng 2 phương thức kết hợp: Tự sự, miêu tả  4. Dựa vào tình cảm, suy nghĩ được bộc lộ trong bài viết, người đọc có thể cảm nhận được tình cảm cảm xúc chân thành của người viết dành cho nhân vật*.*  5. Ở KB, người viết đã trình bày những nội dung sau:  - Từ đối tượng, Khẳng định, hiểu ra ý nghĩa của tình bạn.  - Bài học từ người bạn, từ tình bạn: bản thân học được điều tốt: biết quan tâm, chia sẻ,…  6. Kinh nghiệm viết bài văn biểu cảm về con người: |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết theo các bước)**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết bài văn.  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1: Chuẩn bị trước khi viết.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Tôi nên chọn người trong gia đình hay những người khác nào? Tôi có cảm xúc gì đối với người đó? Những hình ảnh nào, kỉ niệm nào gây cho tôi cảm xúc?  + Tôi viết nhằm mục đích gì?  + Người đọc của tôi có thể là ai?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Tìm ý, lập dàn ý**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *HS tìm ý theo PHT số 2*      Đối tượng ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………..  Cảm xúc chung về đối tượng  ………………………………………………………………………………………………………..………………………  Cảm xúc thứ nhất,nguyên nhân của cảm xúc: …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  Cảm xúc thứ hai, nguyên nhân của cảm xúc: ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  Khẳng định lại tình cảm với đối tượng …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  .  Ý nghĩa của đối tượng đối với bản thân ………………………………………………………………………..……………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………………………..  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luân, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hs viết bài*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV4: Chỉnh sửa và đọc lại bài viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Phát bảng kiểm cho HS    + Sau khi viết xong, hai HS là 1 cặp sẽ dùng bảng kiểm để tự kiểm tra lẫn nhau.  +GV Hướng dẫn HS dùng Bảng kiểm để kiểm tra và điều chỉnh bài viết để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết củaa bản thân (thực hiện ở nhà hoặc trên lớp), nên dùng bút khác màu để tự điều chỉnh.  + Cuối cùng, cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì học hỏi được từ bạn về cách kể lại trải nghiệm của bản thân.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Hướng dẫn quy trình viết**  **Đề bài:**  Viết bài văn bày tỏ cảm xúc về một người mà em yêu quý .  **1. Chuẩn bị trước khi viết**  - Xác định thời gian, địa điểm, xác định đề tài, mục đích  - Thu thập tư liệu.  **2. Tìm ý, lập dàn ý theo phiếu học tập**  **a. Tìm ý**  **-**Từ ngữ biểu cảm: yêu mến, kính trọng,…  -Hình dung về người đó: việc là, kỉ niệm, hình ảnh….  - Lí giải nguyên nhân cảm xúc: chăm sóc, quan tâm, … em  -Yết tố tả, kể: đặc điểm nổi bật, kỉ niệm sâu sắc,…  **b. Lập dàn ý**  - Mở bài: giới thiệu người mà em yêu quý, cảm xúc chung.  - Thân bài:  + Cảm xúc thứ 1, nguyên nhân cảm xúc….  + Cảm xúc thứ 2, nguyên nhân cảm xúc  - Kết bài: Khẳng định tình cảm với người đó, bài học bản thân…  **3. Viết bài**  **4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụnga) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

**b) Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Vẽ sơ đồ dàn ý cho đề bài sau:  *Hãy viết một bài văn biểu cảm (độ dài khoảng 300 từ) về một người thân của em.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | |  |  | | --- | --- | | MỞ BÀI | * Giới thiệu cảm xúc của người viết về đối tượng: ………… * Cảm xúc đó được biểu hiện như thế nào:....... | | THÂN BÀI | – Cảm xúc về đối tượng: ………………. | | KẾT BÀI | – Khẳng định lại cảm xúc: ….……………………  – Rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân: ...…………… | |

**\* Hướng dẫn tự học**

**- Bài vừa học:**

+ Nắm lại các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người.

+ Nắm lại cách viết bài văn biểu cảm về con người.

+ Sưu tầm một bài bài phát biểu cảm nghĩ về con người và thực hành tóm tắt.

**- Bài sắp học:**

Chuẩn bị tiết “Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống”: Chuẩn bị các bước trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống với những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, cách bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

**...................................................................**

**Tiết 139**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề, hiện tượng đời sống.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Gv chiếu video câu chuyện về tình bạn:*  [*https://www.youtube.com/watch?v=MxjIKZjg3Ws*](https://www.youtube.com/watch?v=MxjIKZjg3Ws)  *và yêu cầu học sinh vừa xem và nói được vấn đề đặt ra trong video*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - GV quan sát, lắng nghe  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và kết nối vào bài | - Hs quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi  -Có thể HS trả lời nhiều : vấn đề “tình bạn”, “ý nghĩa của tình bạn”…. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:** HS xác định được mục đích nói và người nghe; Xác định không gian và thời gian nói; Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói.

**b) Nội dung:** GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS. HS trả lời câu hỏi của GV.

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1: Chuẩn bị bài nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về vấn đề đó ntn?  ? Em có video, sơ đồ để bài nói ấn tượng, sinh động, hấp dẫn không?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục 2.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-**Gv tổ chức buổi tọa đàm:  HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lập dàn ý theo sơ đồ.  -GV hướng dẫn  **B3. Báo cáo, thảo luận**  -HS trình bày dàn ý trong nhóm, tổ.  **Ý KIẾN**  ….  **Lí lẽ 1**  **Lí lẽ 2**  **Lí lẽ 3**  **Bằng chứng**  ……….  ………..  **Bằng chứng**  ……….  ……….  **Bằng chứng**  ………  ……….  -GV quát sát, hướng dẫn các em thực hiện trao đổi  **B3. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, hướng dẫn vào phần tiếp theo.  **\*** Luyện tập và trình bày  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lập dàn ý theo sơ đồ.  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.  **\*Trao đổi và đánh giá**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu (phát) bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống    - Yêu cầu HS đánh giá theo bảng kiểm  Hướng dẫn HS đóng vai trò người nghe, ghi lại  + 3 ưu điểm về phần tóm tắt của bạn  + 2 hạn chế  + 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh bài nói  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV**:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo bảng kiểm  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | **\*Chủ đề: Ý nghĩa của tình bạn**  **1. Chuẩn bị bài nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  - Khi nói cần lựa chọn không gian và xác định thời gian nói.  - Dự kiến: Tìm hình ảnh, video, sơ đồ cho bài nói thuyết phục.  **2. Lập dàn ý**  -Tìm hình ảnh, video liên quan vấn đề  -Xác định các ý sẽ nói ( lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, xác thực).  -Liệt kê các ý sẽ trình bày bằng cách gạch đầu dòng, diễn đạt bằng những từ/ cụm từ ngắn gọn trên những mảnh giấy ghi chép nhỏ (dạng giấy ghi chú).  -Trao đổi dàn ý với bạn cùng nhóm để hoàn thiện hơn.  **3. Luyện tập và trình bày**  - HS nói trước lớp:  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến về đời sống).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… tự tin.  **4. Trao đổi và đánh giá**  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí (bảng kiểm).  - Nhận xét của HS |

**Hoạt động 3. LUYỆN TẬP/ VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để nói và nghe.  **b. Nội dung:**  - GV yêu cầu HS ghi lại những điều em đã học được qua tiết học.  -GV cho HS nghe video “Ma túy học đường <https://www.youtube.com/watch?v=lCCc0vcG2ww>  – GV thuyết trình  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  c**. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS làm việc cá nhân, quay video bài nói gửi qua mail giáo viên.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhắc nhở HS thực hiện quay video và nói đúng thời hạn  - Chốt lại kiến thức | Video bài nói của HS |

**\* Hướng dẫn tự học**

**- Bài vừa học:** Nắm các bước trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống với những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, cách bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

**- Bài sắp học:**

Chuẩn bị tiết “Ôn tập”: Xem lại kiến thức bài 10 và trả lời các câu hỏi trong bài ôn tập.

**Tiết 132,133**

**ÔN TẬP**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** HS biết cách hệ thống lại các đơn vị kiến thức đã học ở bài học 10 bao gồm 4 kĩ năng: đọc – viết- nói và nghe.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  **B1:GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV tổ chức trò chơi: “***Ai nhanh hơn***” cho hai đội; yêu cầu HS nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 4.  Câu 1: Tác phẩm Lời của Trái tim của nhà văn nước nào?  A. Pháp  B. Brazil  C. Anh  D. Việt Nam  Câu 2:Giá trị nội dung của tác phẩm Lời trái tim?  A. Những lời nói xuất phát trừ trái tim  B. Hãy lắng nghe và cảm nhận nó C. Cả 2 đúng D. Cả 2 sai  **Câu 3:** Thể thơ của bài thơ “Đợi mẹ” là gì?  A. Tự do  B. Thơ năm chữ  C. Thơ sáu chữ  D. Thơ lục bát  **Câu 4:** Bài thơ thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của tác giả?  A. Nôn nóng, vội vã.  B. Yêu thích thiên nhiên, quý trọng những thứ đang bị tàn phá.  C. Tình cảm trìu mến, thương yêu của tác giả.  D. Cả B và C.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài: |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, các sự kiện đặc sắc của các văn bản đã học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụCâu hỏi 1:** Em đã học ba bài thơ Đợi mẹ, Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi, Mẹ. Hãy so sánh các văn bản và rút ra nhận xét chung bằng cách điền vào Phiếu học tập sau (kẻ vào vở):  Soạn bài 10 Ôn tập  **Câu hỏi 2:** Qua việc học các bài thơ trên, em rút ra kinh nghiệm gì khi đọc thể loại này?  **Câu hỏi 3:**Đọc đoạn thơ sau:  *Đâu chỉ lên trăng, thơ ta còn bay khắp*  *Theo những con tàu cập bến các vì sao*  *Như lòng ta chẳng bao giờ nguôi khát vọng*  *Biết bay rồi, ta lại muốn bay cao.*  (Xuân Quỳnh, Khát vọng)  a. Dựa vào ngữ cảnh, em hãy giải thích nghĩa của các từ "bay" trong đoạn văn trên.  b. Nghĩa của các từ "bay" có liên quan với nhau không?  **Câu hỏi 4:** Hoàn chỉnh sơ đồ sau về đặc điểm của bài văn biểu cảm (về con người).  **Câu hỏi 5:**Qua bài học này, em rút kinh nghiệm gì khi trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập**  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét**  - GV nhận xét, khen và biểu dương các HS trả lời nhanh và đúng nhất. | **Câu 2:**  - Hiểu được tâm trạng của nhân vật trữ tình.  - Tìm được những từ ngữ, hình ảnh nổi bật.  - Xác định được vần, nhịp của bài thơ và tác dụng của chúng.  - Xác định các biện pháp tu từ.  **Câu 3**  a.  - bay1: được dùng với nghĩa thông thường là “di chuyển ở trên không”  - bay2, bay3: được dùng với nghĩa bóng để chỉ ý “trưởng thành, phát triển”  b. Nghĩa các từ bay không liên quan đến nhau.  **Câu 5**  - Chuẩn bị trước các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.  - Khi nói cần nói rõ, rành mạch, tự tin, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí.  - Ghi nhận và phản hồi những câu hỏi một cách thỏa đáng.  - Bảo vệ ý kiến một cách lích sự, không gây xung đột. |

Câu 1:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản**  **Nét độc đáo** | | **Đợi mẹ** | **Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi** | **Mẹ** |
| Từ ngữ | | Em bé, mẹ, nhìn, ... | Con mèo, tôi, nằm ngủ, trái tim, âu yếm, vuốt ve, đùm bọc,.... | Mẹ, cau |
| Hình ảnh | | + Em bé ngồi nhìn ra ruộng lúa  + Mẹ lẫn trên cánh đồng  + Bếp lửa chưa nhen  + Căn nhà tranh trống trải  + Bàn chân mẹ lội bùn ì oạp đồng xa  + Mẹ đã bế vào nhà nỗi đợi vẫn nằm mơ. | + Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi  + Trái tim tôi hòa nhịp trái tim mèo  + Đôi tai vểnh ngây thơ  + Cái đuôi dài bướng bỉnh  +..... | + Lưng mẹ còng rồi  + Mẹ đầu bạc trắng  + Mẹ ngày một thấp  + Mẹ thì gần đất  + Khô gầy như mẹ  + Con nâng trên tay  + Không cầm được lệ |
| Vần, nhịp | | + Gieo vần linh hoạt Vần cách ( nhà-xa; ao-vào; mận-mơ)  + Nhịp lẻ linh hoạt  2/3/2  2/3  2/3/2/3 | + Vần chân (mèo-veo; hoắt-nhắt; ủ-ngủ; chì-đi)  + Nhịp: 3/5  3/3/2 | + Vần cách (thẳng-trắng; (già-xa; on-còn)  + Nhịp  2/2  1/3 |
| Biện pháp tu từ | | + Điệp từ “em bé”, “mẹ”  + Ẩn dụ “nỗi đợi vẫn nằm mơ”. | + So sánh “Như đứa trẻ giữa vòng ta ấp ủ”  + Điệp từ “trái tim”, “trên ngực tôi”, “được”  + Điệp cấu trúc “Ngủ đi, ngủ đi,...”  + Liệt kê “âu yếm, vuốt ve, đùm bọc,...” | + So sánh “cau và mẹ”  + Điệp từ “cau”, “mẹ” |
| Nhận xét chung | Từ ngữ | Giàu sức gợi | Giàu giá trị biểu đạt. | Quen thuộc, gần gũi. |
| Hình ảnh | Sinh động, hấp dẫn | Nhiều, sinh động. | Sinh động, hấp dẫn |
| Vần, nhịp | Linh hoạt, tạo tiết tấu cho bài thơ. | Linh hoạt. | Linh hoạt |
| Biện pháp tu từ | Khiến hình ảnh thơ trở nên sinh động, dễ hiểu hơn. | Khiến hình ảnh thơ trở nên sinh động, dễ hiểu hơn. | Khiến hình ảnh thơ trở nên sinh động, dễ hiểu hơn. |

**Câu 4 (Trang 112, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**



* Tìm hiểu thông tin về tác giả của các văn bản đã học: thu thập các nguồn tư liệu khác nhau như bài viết, ảnh, video,... Đọc thêm các tác phẩm của cùng tác giả.
* Hệ thống hoá kiến thức bài học 10 bằng sơ đồ tư duy.

- GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Ba tác phẩm( Đợi mẹ, Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi, Mẹ và đoạn trích Lời trái tim) đều nói về những cung bậc cảm xúc khác nhau, những “ tiếng nói” của “ trái tim”. Những điều em học được từ các văn bản này gợi cho em những suy nghĩ gì về cách lắng nghe trái tim mình? Theo em, vì sao chúng ta cần lắng nghe trái tim mình?  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Cách lắng nghe trái tim mình là cảm nhận mọi điều bằng cả trái tim, biết rung động, trân trọng trước những tình cảm, sự vật diễn ra xung quanh chúng ta  - Chúng ta cần lắng nghe trái tim mình để cảm nhận nhịp đập, sự rung cảm từ những gì nhỏ bé nhất. Lắng nghe trái tim để biết mình sai ở đâu, mình nên làm gì, mình phải làm gì để cuộc sống trở nên có ý nghĩa. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**:

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học.

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác, vận dụng kiến thức bài học đưa ra việc làm cho bản thân.

**b) Nội dung:**

- GV ra bài tập.

- HS làm bài tập.

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| Xem lại toàn bộ nội dung chương trình, soạn bài “Ôn tập cuối kì II”.  Lưu ý: Học sinh soạn toàn bộ các câu hỏi trong bài “Ôn tập cuối kì II”, ngoài ra GV chia lớp thành 3 nhóm nhỏ, mỗi nhóm có nhiệm vụ hoàn thành bài tập chính của nhóm mình trên pp hoặc giấy khổ A0 để tiết sau lên báo cáo sản phẩm trước lớp.  Nhiệm vụ cụ thể:   |  |  | | --- | --- | | **Nhóm** | **Nhiệm vụ** | | Nhóm 1 | Hoàn thành câu hỏi số 1,2,3,4,5,6, 7 SGK trang 113,114 | | Nhóm 2 | Hoàn thành câu hỏi số,8,9,10,11,12 SGK trang 115,116 | | Nhóm 3 | Hoàn thành câu hỏi số 13,14,15,16, 17 SGK trang 116 | |  | | |  |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:***

+ Nắm nội dung đã ôn tập.

+ Hoàn thành bài viết.

***- Bài sắp học***: Ôn tập cuối học kì II

……………………………………………………

Tiết 132, 133

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hệ thống lại các nội dung cơ bản đã học trong học kì II, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn bản.

**2. Năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của các kiểu văn bản đã học, kĩ năng các kiểu bài viết.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

* Giáo án
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
* Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên tổ chức trò chơi RUNG CHUÔNG VÀNG công bố luật chơi

- Mỗi HS sẽ chuẩn bị 4 tờ giấy ghi sẵn các đáp án A, B, C, D

- HS cả lớp sẽ đứng tại chỗ để cùng tham gia trò chơi.

- GV lần lượt đọc các câu hỏi. Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 15 s để giơ tờ giấy nhớ tương ứng đáp án

- HS nào trả lời sai câu hỏi sẽ tự động ngồi xuống, không được tham gia trả lời câu hỏi tiếp theo.

- Hết 10 câu hỏi, (những) HS nào còn đứng (trả lời được hết 10 câu hỏi) sẽ giành được phần thưởng.

**Câu 1:** Những điểm cần lưu ý khi đọc một bài thơ là gì?

A. Cần xác định thể thơ hay thơ văn xuôi

B. Xác định nội dung chính của bài

C. Xác định các yếu tố nghệ thuật và thái độ tình cảm của tác giả trong bài thơ

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 2:** Việc trình bày ý kiến của mình về một hiện tượng trong cuộc sống hoặc văn học thuộc kiểu văn bản thông tin.  
Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

**Câu 3:** Câu thơ nào không thể hiện cách gieo vần linh hoạt trong bài thơ?

A. Mẹ lẫn trên cánh đồng / Đồng lúa lẫn vào đêm

B. Đom đóm bay ngoài ao / Đom đóm đã vào nhà

C. Trời về khuya lung linh trắng vườn hoa mận trắng

D. Bàn chân mẹ lội bùn ì oạp phía đồng xa

**Câu 4:** Câu thơ nào không thể hiện cách ngắt nhịp độc đáo trong bài thơ?

A. Trời tối trên đầu hè. Nửa vầng trăng non.

B. Em bé nhìn vầng trăng, nhưng chưa nhìn thấy mẹ

C. Ngọn lửa bếp chưa nhen, căn nhà tranh trống trải

D. Đom đóm bay ngoài ao. Đom đóm đã vào nhà.

**Câu 5:** Hình ảnh nào trong bài thơ không có nhiều giá trị trong việc diễn tả được tâm trạng đợi mẹ của em bé?

A. Em bé ngồi nhìn ra ruộng lúa

B. Vầng trăng non

C. Ngọn lửa bếp chưa nhen

D. Mẹ bế vào nhà nỗi đợi vẫn nằm mơ

**Câu 6:** Ta có thể cảm nhận thế nào về hình ảnh “Mẹ đã bế vào nhà nỗi đợi vẫn nằm mơ”?

A. Nó đã diễn tả một cách hình tượng, độc đáo, làm rõ tình yêu mẹ của bé cũng như tình yêu bé của mẹ.

B. Câu thơ đã làm cho người đọc giác ngộ về tình cảm mẹ con thời xưa.

C. Đây là một hình ảnh đặc trưng trong thơ hiện đại.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 7:** Ngữ cảnh là gì?

A. Là ngôn ngữ trong một hoàn cảnh đang nói đến.

B. Là toàn bộ nói chung những đơn vị đứng trước và đứng sau một đơn vị ngôn ngữ đang xét, quy định ý nghĩa và giá trị cụ thể của đơn vị ngôn ngữ đó trong chuỗi lời nói.

C. Là các yếu tố chỉ sự vật nhằm làm nổi bật nghĩa của từ đặt ở trung tâm.

D. Cả A và C.

**Câu 8:** Ngữ cảnh của một từ là gì?

A. Là những yếu tố ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ xung quanh nó.

B. Là những quan điểm trọng yếu trong cách vận dụng ngôn từ.

C. Là việc một tình cảnh áp đặt người nói phải sử dụng một yếu tố ngôn ngữ nào đó.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 9:** Ngữ cảnh có vai trò gì?

A. Hỗ trợ xây dựng cấu trúc câu, làm cho cấu trúc câu trở nên chuẩn chỉnh hơn.

B. Mở rộng thành phần câu, làm rõ ý nghĩa của câu.

C. Có vai trò quan trọng trong việc lựa chọn từ ngữ khi viết hoặc nói và hiểu nghĩa của từ khi đọc hoặc nghe.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 10:** Khi gặp một từ không biết nghĩa, có thể dựa vào đâu để xác định nghĩa của từ?

A. Ngữ cảnh

B. Cấu trúc đoạn văn

C. Danh từ

D. Tất cả các đáp án trên.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS lắng nghe, giơ cao phiếu có câu trả lời cho câu hỏi

- GV quan sát

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài:

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

***a. Mục tiêu:*** HS hệ thống được các nội dung kiến thức, kĩ năng (văn học và ngôn ngữ) đã được hình thành trong học kì II.

***b. Nội dung:*** GV hướng dẫn HS làm việc nhóm soạn bài trên pp hoặc giấy khổ A0, trình bày sản phẩm đã được giao (ở nhà) để ôn lại các nội dung kiến thức đã học.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhiệm vụ** |
| Nhóm 1 | Hoàn thành câu hỏi số 1,2,3,4,5,6, 7 SGK trang 113,114 |
| Nhóm 2 | Hoàn thành câu hỏi số,8,9,10,11,12 SGK trang 115,116 |
| Nhóm 3 | Hoàn thành câu hỏi số 13,14,15,16, 17 SGK trang 116 |

***c. Tổ chức thực hiện:***

- GV hướng dẫn HS sắp xếp lớp học và di chuyển về vị trí làm việc nhóm.

- HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV:

+ Lần lượt các nhóm lên trình bày kết quả, sản phẩm làm việc nhóm theo phân công và tự điều hành tiếp nhận, phản hồi ý kiến của các thành viên trong lớp.

+ HS lắng nghe, ghi chép ý kiến nhận xét và phản hồi cho từng nhóm.

- GV tham gia định hướng (nếu cần), yêu cầu các nhóm chỉnh sửa sản phẩm, tập hợp thành tài liệu ôn tập cho cả lớp.

**\*Dự kiến sản phẩm:**

**Câu 1 (Trang 113, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

Chọn tên văn bản ở cột A phù hợp với thể loại tương ứng ở cột B (làm vào vở).

1-đ; 2-d; 3-c; 4-b; 5-a.

**Câu 2 (Trang 113, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

Dựa vào bảng sau, tóm tắt những điểm cần lưu ý khi đọc hiểu văn bản theo các thể loại cụ thể (làm vào vở)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thơ trữ tình | - Hiểu được tâm trạng của nhân vật trữ tình  - Tìm được những từ ngữ, hình ảnh nổi bật.  - Xác định được vần, nhịp của bài thơ và xem nó có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề bài thơ.  - Xác định các biện pháp tu từ bổ trợ. |
| 2 | Tục ngữ | - Nhận biết được yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần, vế.  - Nhận biết được đặc điểm, chức năng của tục ngữ.  - Nội dung, ý nghĩa, kinh nghiệm tục ngữ muốn truyền đạt. |
| 3 | Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. | - Nhận biết được đặc điểm văn bản.  - Cần nắm rõ các bước trong một văn bản thông tin. |
| 4 | Văn bản nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | - Chú ý các lí lẽ, bằng chứng trong bài văn nghị luận.  - Rút ra được bài học, kinh nghiệm trong đời sống. |
| 5 | Truyện khoa học viễn tưởng. | - Nhận biết được yếu tố của truyện: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, không gian thời gian.  - Tóm tắt được nội dung chính văn bản.  - Tìm hiểu được các nhân vật qua: suy nghĩ, hành động, cử chỉ, lời nói. |

**Câu 3 (Trang 113, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

a. Kẻ bảng sau vào vở và liệt kê các văn bản, đoạn trích mà e đã đọc mở rộng theo yêu cầu của giáo viên trong học kì II tương ứng với các thể loại sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Thể loại** | **Tên văn bản, đoạn trích đọc mở rộng (Học kì II)** |
| 6 | Thơ trữ tình | Mẹ (Đỗ Trung Lai) |
| 7 | Truyện (bao gồm truyện khoa viễn tưởng) | Một ngày của Ích-chi-an (A-léc-xăng-đơ Rô-măng-nô-vich Bi-lây) |
| 8 | Văn bản nghị luận | Đừng từ bỏ cố gắng (Theo Trần Thị Cẩm Quyên) |
| 9 | Văn thông tin | Kéo co (Trần Thị Ly) |
| 10 | Văn bản thuộc thể loại khác | Những kinh nghiệm dân gian về con người và xã hội. |

b

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Văn bản đọc mở rộng (Học kì II)** | **Hai bài học kinh nghiệm về kĩ năng đọc thu nhận được từ việc đọc mở rộng.** |
| 6 | Đừng từ bỏ cố gắng (Theo Trần Thị Cẩm Quyên) | + Đọc mở rộng dựa vào kĩ năng đọc ở những văn bản chính và văn bản kết nối theo chủ điểm.  + Đọc mở rộng giúp ta củng cố và hiểu sâu hơn về kiến thức đã học. |
| 7 | Những kinh nghiệm dân gian về con người và xã hội. |
| 8 | Kéo co (Trần Thị Ly) |
| 9 | Một ngày của Ích-chi-an (A-léc-xăng-đơ Rô-măng-nô-vich Bi-lây) |
| 10 | Mẹ (Đỗ Trung Lai) |

**Câu 4 (Trang 114, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

a. Cách gieo vần và ngắt nhịp của đoạn thơ.

- Gieo vần liền: sông-hồng; cá-mã; giang-làng.

- Ngắt nhịp: 3/5 hoặc 3/2/3

=> Ngắt nhịp linh hoạt, tạo tiết tấu cho câu thơ.

b. Cảm xúc của tác giả được thể hiện qua đoạn thơ: Cảm xúc yêu mến, tự hào về quê hương và cảnh đánh bắt nơi đây.

c. Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.

- Biện pháp tu từ: So sánh “chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã”.

- Tác dụng: So sánh chiếc thuyền hăng như một con ngựa đẹp và khỏe. Nhấn mạnh vẻ đẹp khỏe khoắn, mạnh mẽ của con thuyền khi ra khơi. Khí thế dũng mãnh của con thuyền, hiên ngang, dũng mãnh và đầy nhiệt huyết

**Câu 5 (Trang 114, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

- Đặc điểm về mục đích của văn bản Tự học-một thú vui bổ ích (Nguyễn Hiến Lê) và Bàn về đọc sách (Chu Quang Tiềm) là: Thuyết phục người đọc về một vấn đề trong đời sống xã hội.

- Để đạt được mục đích, các tác giả ấy đã sử dụng kiểu văn bản có đặc điểm:

+ Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận.

+ Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe.

+ Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lý.

**Câu 6 (Trang 115, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

a. Cái răng, cái tóc là góc con người.

- Nội dung: Thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá, đưa ra quan niệm về vẻ đẹp của con người.

- Câu tục ngữ ngắn gọn: 8 chữ

- Có nhịp điệu, hình ảnh.

- Gieo vần cách: tóc-góc.

b. Đói cho sạch, rách cho thơm.

- Nội dung: Bài học kinh nghiệm, khuyên răn con người cần giữ gìn nhân phẩm và đạo đức của mình.

- Câu tục ngữ ngắn gọn: 6 chữ

- Gieo vần sát: sạch-rách

- Có hai vế đối xứng nhau.

c. Một mặt người bằng mười mặt của.

- Nội dung:  Đề cao giá trị con người - Con người là quý nhất, quý hơn mọi thứ của cải.

- Câu tục ngữ ngắn gọn: 7 chữ

- Gieo vần cách: người-mười

- Có nhịp điệu, hình ảnh.

- Có hai vế đối xứng nhau.

**Câu 7 (Trang 115, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

- Những dấu hiệu giúp em nhận biết Trò chơi cướp cờ và  Cách gọt hoa thủy tiên là văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động là:

+ Có phần giới thiệu mục đích, quy trình thực hiện trò chơi hay hoạt động.

+ Liệt kê những gì cần chuẩn bị trước khi thực hiện trò chơi hay hoạt động.

+ Trình bày các bước cần thực hiện.

- Để đạt được mục đích, hai văn bản ấy đã sử dụng cách triển khai thông tin: Triển khai theo trật tự thời gian.

**Câu 8 (Trang 115, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | **Dòng “Sông Đen”** | **Xưởng Sô-cô-la** | |
| Đề tài | | khám phá đại dương. | Các phát minh khoa học, công nghệ: xưởng sản xuất so-co-la. | |
| Cốt truyện | | Kể về hành trình khám phá đại dương và phát hiện ra nhiều điều kì thú. | Hành trình khám phá xưởng sô-cô-la, biết được nhiều loại kẹo và gặp được những công nhân tí hon. | |
| Tình huống | | Hành trình trong những ngày đầu dưới biển trên con tàu Nau-ti-lux. | vào tình huống vô cùng bất ngờ, thú vị và chứa đựng nhiều điều diệu kì: hành trình khám phá xưởng Sô-cô-la. | |
| Nhân vật | | Giáo sư A-rô- nắc- người nghiên cứ về sinh vật học; cộng sự Công-xây và thợ săn cá voi Nét Len. | Ông Quơn-cơ; Sác-li, | |
| Sự kiện | | nghiệm cuộc sống kì thú xuống lòng đại dương | Khám phá xưởng sô-cô-la | |
| Không gian | | Đáy biển, lòng đại dương. | đây là không gian mang tính giả định, không gian của nhà máy sô-cô-la. | |
| Thời gian | | Mang tính giả định. | Mang tính giả định. | |
|  | **Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (bài 6 và 7)** | | | **Bài văn biểu cảm về con người (bài 10).** |
| **Yêu cầu** | + Nêu được vấn đề cần bàn luận.  + Trình bày được ý kiến tán thành, phản đối của người viết với vấn đề cần bàn luận.  + Đưa ra lí lẽ rõ ràng, bằng chứng xác thực, đa dạng để làm sáng tỏ cho ý kiến.  + Bố cục bài viết cần đảm bảo:  **Mở bài:** giới thiệu được về đề cần bàn luận và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về vấn đề ấy.  **Thân bài:** giải thích vấn đề cần bàn luận; đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết; sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí; đưa ra được bằng chứng đa dạng, cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ; xem xét vấn đề từ nhiều phía để nội dung bài viết được toàn diện.  **Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến và đưa ra bài học nhận thức và phương hướng hành động. | | | + Tình cảm trong bài văn phải chân thực, trong sáng.  + Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  + Kết hợp yếu tố miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc bộc lộ cảm xúc.  + Bố cục đảm bảo 3 phần: Mở bài, thân bài và kết bài.  **Mở bài:** giới thiệu đối tượng biểu cảm, biểu đạt cảm xúc chung về đối tượng.  **Thân bài**: Biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ cụ thể một cách sâu sắc về đối tượng. Đối với bài văn biểu cảm về con người, người viết cần biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm gắn với người đó. Đối với bài văn biểu cảm về sự việc, người viết có thể biểu lộ cảm xúc theo trình tự diễn tiến của sự việc.  **Kết bài:** khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng; rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân. |

**Câu 13 (Trang 116, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

Việc viết tường trình cần đảm bảo những yêu cầu gì?

Việc viết tường trình cần đảm bảo những yêu cầu sau:

**\*Về bố cục, văn bản cần đảm bảo các phần sau:**

+ Quốc hiệu, tiêu ngữ

+ Địa điểm, thời gian viết

+ Tên văn bản và tóm tắt sự việc tường trình.

+ Người nhận

+ Một số thông tin người viết.

+ Nội dung tường trình

+ Những đề nghị cụ thể, lời cam đoan/ lời hứa.

+ Kí tên

**\*Về nội dung, văn bản cần đảm bảo những yêu cầu sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương diện tóm tắt** | **Bài viết Ý nghĩa của sự tha thứ** |
| Vấn đề cần bàn luận | Ý nghĩa của sự tha thứ trong đời sống của con người. |
| Ý kiến của người viết | Đồng tính, tán thành sự tha thứ trong cuộc sống con người mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp |
| Lí lẽ | + Tha thứ chính là bỏ qua cho người khác những lỗi lầm của họ, sẵn sàng tạo điều kiện để người mắc lỗi sửa sai.  + Không ai có thể tránh được những lầm lạc nên sự bao dung tha thứ sẽ tạo động lực để sửa sai, từ đó hoàn thiện bản thân.  + Nếu mãi ôm thù hận sẽ mắc kẹt trong vòng xoáy của sự căm ghét, cuộc đời đau khổ và ngột ngạt.  - Sự tha thứ xoa dịu được vết thương lòng, tâm hồn bình yên.  + Sự tha thứ có giá trrị khi người mắc lỗi hối cải và khắc phục lỗi lầm   Học cách tự tha thứ cho mình -> sống tốt và hàn gắn cho quá khứ.  + Đặt mình vào vị trí của người khác   Viết thư cho người từng mắc lỗi với mình để thể hiện sự tha thứ và tình yêu thương |
| Bằng chứng | + Phong trào viết thư với chủ để “Gửi lời xin lỗi” ở trại giam Gia Trung.  + Danh ngôn của nhà văn William Arthur Ward.  + Nghiên cứu của bác sĩ Ca-ren Xơ-goát. |
| Nội dung lật ngược vấn đề, ý kiến bổ sung | + Thay vì thất vọng và fhest bỏ ...hãy ngắm nhìn và yêu thích....  + Can đảm đối mặt với khó khăn, thất bại và đừng bao giờ từ bỏ cố gắng. |

+ Cung cấp đầy đủ, chính xác những thông tin về thời gian, địa điểm, sự việc, họ tên những người có liên quan, đề nghị của người người viết, người gửi, người nhận và ngày, tháng, địa điểm viết tường trình.

+ Nội dung sự việc được tường trình phải đảm bảo chính xác, đúng với thực tế diễn ra.

+ Xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc đã xảy ra.

**Câu 14 (Trang 116, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

**Câu 15 (Trang 116, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

Lập dàn ý và viết đoạn mở bài cho hai trong ba đề dưới đây:

**Đề 2: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.**

Dàn ý: Nghị luận về sự vô cảm trong đời sống.

a. Mở bài

Giới thiệu về vấn đề nghị luận: sự vô cảm trong đời sống.

b. Thân bài

\*Giải thích:

- Vô cảm là gì? Vô là không, cảm là cảm xúc. Vô cảm chính là không có cảm xúc, không bày tỏ thái độ, tình cảm trước bất cứ vấn đề nào trong cuộc sống.

- Biểu hiện của sự vô cảm:

+ Không quan tâm, giúp đỡ, yêu thương, chia sẻ với người khác.

+ Có thái độ dửng dưng, không quan tâm trước mọi vấn đề.

+ Chỉ sống với cảm xúc, suy nghĩ của bản thân mình.

\* Thực trạng của sự vô cảm trong xã hội.

- Ngày một nhiều, đặc biệt ở bộ phận thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên.

- Sống ỷ lại, hưởng thụ, không quan tâm, không có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

\* Nguyên nhân của sự vô cảm

+ Do lối sống ích kỷ, thiếu tình thương.

+ Mất lòng tin từ sự bất công xã hội.

+ Ảnh hưởng của phim, trò chơi bạo lực.

+ Do phụ huynh quá nuông chiều.

\*Tác hại của sự vô cảm

+ Làm cho con người suy giảm nhân cách.

+ xã hội không có tình người, thiếu sự đoàn kết, thân ái.

+ Con người thiếu niềm vui và hạnh phúc.

\*Liên hệ, vận dụng

- Lên án các hành động vô cảm.

- Biết chia sẻ, yêu thương với mọi người.

+ Tham gia các hoạt động xã hội có tính nhân văn.

c.Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề.

- Nêu cảm nghĩ về sự vô cảm trong xã hội.

**\*Mở bài:**

Go-rơ-ki đã nói “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình thương”. Quả thật là như vậy, tình yêu sự, sự chia sẻ luôn là một điều có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống của chúng ta. Nhưng thật đáng buồn, khi xã hội ngày càng phát triển thì kéo theo vô số những hệ lụy. Trong số đó sự vô cảm trong xã hội là một điều báo động và cần quan tâm.

**Đề 3: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một văn bản truyện mà em đã học.**

a.Mở bài

- Nêu tên nhân vật em lựa chọn.

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm xuất hiện nhân vật em lựa chọn.

- Nêu ấn tượng về nhân vật

b. Thân bài

Phân tích đặc điểm nhân vật.

\*Giới thiệu khái quát về nhân vật

- Sự xuất hiện.

- Tên nhân vật, hình dáng, đặc điểm ngoại hình.

\*Đặc điểm của nhân vật

- Các chi tiết miêu tả nhân vật, hành động nhân vật.

- Ngôn ngữ của nhân vật.

- Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.

- Mối quan hệ của nhân vật với các nhân vật khác.

c.Kết bài

Đánh giá về nhân vật.

**Câu 16: (Trang 116, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

Theo em, để có một bài trình bày hấp dẫn, người nói cần lưu ý:

+ Bài trình bày cần có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc.

+ Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút.

+ Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến của người nói về vấn đề.

+ Đưa ra được lý lẽ, bằng chứng thuyết phục.

+ Nói rõ, rành mạch và đúng thời gian quy định.

+ Tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lý.

+ Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi.

+ Biết bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe.

**Câu 17 (Trang 116, SGK Ngữ văn 7, tập 2)**

Tập trình bày các nội dung chính đã thực hiện ở câu 15.

Dựa vào nội dung câu 15, trình bày các nội dung đó

**\* Hoạt động 3: Luyện tập/ vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

*Nêu cảm nghĩ của em về một bài thơ em thích.*

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm cá nhận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn thành câu hỏi SGK nếu chưa hoàn thành.

- Ôn tập tốt kiến thức chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối học kì II.

..........................................................................................

**Tiết 134, 135** **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**ĐỀ KIỂM TRA CHUNG CỦA TỔ**

**................................................................................................**

**Tiết 140 TRẢ VÀ SỬA BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**